TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1X** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3x/2025/DS-ST
Ngày 10/9/2025.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1X, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Quốc H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc T;

2. Ông Thông Minh T.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị H – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ tham gia phiên toà: Bà Cao Thị N – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ, Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37x/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1x/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1x/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Trung V, sinh năm 1959. (có mặt)
Bà Võ Thị C, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp T, xã B, thành phố Hồ Chí Minh (xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà C: Ông Đặng Văn V1, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Đ (thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận cũ). (có mặt)

Bị đơn: Ông Hồ Ngọc T, sinh năm 1958. (vắng mặt – không rõ lý do)
Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Đ (thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Kim O: Ông Trần Quang A, sinh năm 1979. (theo văn bản ủy quyền đề ngày 26/11/2024).

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai (ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cũ). (vắng mặt – không rõ lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Bích T1, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, thành phố Hồ Chí Minh (xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ). (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Văn V1 trình bày:

Do có quan hệ họ hàng, tháng 9/2019 ông Phạm Trung V và bà Võ Thị C có cho bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T vay số tiền 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng. Thời hạn vay thỏa thuận là đến tháng 9/2021, hàng tháng bà O, ông T trả cho ông V, bà C số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng tiền lãi. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bà O, ông T không có tiền trả nên các bên gia hạn lại nợ. Tháng 10 năm 2023, giữa hai bên viết lại giấy để xác nhận lại nợ, theo đó tổng số tiền bà O, ông T còn nợ của ông V, bà C là 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng, thời hạn vay thỏa thuận là đến 30/4/2024 sẽ trả đầy đủ, hàng tháng ông T, bà O trả cho ông V, bà C số tiền lãi là 8.000.000 (Tám triệu) đồng. Ngoài ra, bà O có xác nhận đến ngày 30/10/2023 còn nợ của ông V, bà C số tiền lãi của 27 tháng là 216.000.000 (Hai trăm mười sáu triệu) đồng. Đến hạn trả nợ, bà O, ông T không trả tiền cho ông V, bà C, giữa hai bên có thỏa thuận lại tổng số tiền còn nợ là 536.000.000 (Năm trăm ba mươi sáu triệu) đồng trong đó bao gồm 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng tiền nợ gốc và 216.000.000 (Hai trăm mười sáu) triệu tiền lãi đã xác nhận ngày 30/10/2023. Khi xác nhận lại nợ, giữa các bên có thỏa thuận bà O, ông T trả góp hàng tháng cho ông V, bà C số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, trả trong vòng 12 tháng, số tiền nợ còn lại sẽ trả đầy đủ khi đến hạn 12 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi.

Khi vay và thỏa thuận giữa ông V, bà C và bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T có viết giấy để xác nhận nợ, tuy nhiên, sau mỗi lần xác nhận lại nợ bà O, ông T đã giữ lại hết giấy cũ, hiện ông V, bà C chỉ còn giữ "Giấy hợp đồng vay tiền" đề ngày 10/9/2019; "Giấy hợp đồng vay tiền" đề ngày 30/10/2023; "Giấy mượn nợ" đề ngày 02/5/2024.

Quá trình thực hiện, bà O, ông T có trả tiền lãi cho ông V, bà C trong thời hạn vay từ 09/2019 đến 10/2023 nhưng không đầy đủ, còn nợ lại số tiền lãi của 27 tháng theo như bà O đã ghi trong "Giấy hợp đồng vay tiền" đề ngày 30/10/2023. Trong thời gian từ ngày 02/5/2024 đến tháng 06/2024 bà O, ông T có trả cho ông V, bà C số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng tiền nợ gốc theo số tiền xác nhận còn nợ là 536.000.000 (Năm trăm ba mươi sáu triệu) đồng. Ngoài ra bà O, ông T không trả cho ông V, bà C khoản tiền nào khác.

Trong đơn khởi kiện và lời trình trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Kim O và ông Hồ Ngọc T trả cho ông Phạm Trung V và bà Võ Thị C số tiền vay còn nợ là 506.000.000 (Năm trăm lẻ sáu triệu) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 16%/năm tính từ ngày 02/5/2024 đến nay, tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 16 tháng 08 ngày với số tiền là 109.745.783 đồng (*Một trăm lẻ chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng)*. Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc các bị đơn là bà Phạm Thị Kim O và ông Hồ Ngọc T trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 506.000.000 (Năm trăm lẻ sáu triệu) đồng; tuy nhiên, nguyên đơn thay đổi đối với yêu cầu tính lãi, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu các bị đơn là bà Phạm Thị Kim O và ông Hồ Ngọc T trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/5/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2025) là 04 tháng 07 ngày với số tiền là 17.850.554 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).*

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị Kim O là ông Trần Quang A trình bày:

Do có họ hàng, trước đây khoảng năm 2006 bà Phạm Thị Kim O và chồng là ông Hồ Ngọc T có vay của ông V, bà C số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng. Đến năm 2019, xác nhận lại tổng số tiền bà O còn nợ của ông V là 320.000.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi mà bà O còn nợ của ông V trước đó chưa trả). Theo thỏa thuận, mỗi tháng bà O trả cho ông V số tiền lãi là 8.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 10/9/2021 hoàn trả toàn bộ tiền nợ gốc cho ông V, bà C. Tuy nhiên, đến hạn bà không có tiền trả và có xin gia hạn lại khoản nợ thì ông V, bà C đồng ý; Ngày 30/10/2023 bà và ông V, bà C thỏa thuận lại số tiền còn nợ gốc là 320.000.000 đồng và 216.000.000 đồng là tiền lãi của 27 tháng trước đó chưa trả. Khi xác nhận lại nợ, có thỏa thuận hàng tháng bà trả số tiền lãi là 8.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 30/4/2024 sẽ trả toàn bộ khoản nợ trên cho ông V, bà C. Tuy nhiên, khi đến hạn bà không có khả năng trả nợ, ngày 02/5/2024 bà có thỏa thuận với ông V, bà C về tổng số tiền còn nợ là 536.000.000 đồng và thỏa thuận trả góp hàng tháng 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ nói trên. Khi xác nhận lại, hai bên không thỏa thuận lãi.

Nay bà Phạm Thị Kim O đồng ý trả cho ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C số tiền còn nợ là 506.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà ông V, bà C yêu cầu bà O không đồng ý, do trước đây bà O có trả lãi cho ông V đầy đủ, khi thỏa thuận lại số tiền nợ ngày 02/5/2024, hai bên không có thỏa thuận lãi.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, bị đơn là ông Hồ Ngọc T trình bày:

Khoảng năm 2006 ông và bà Phạm Thị Kim O có vay của ông V, bà C số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng. Đến năm 2019, ông và ông V có xác nhận lại tổng số tiền còn nợ là 320.000.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi ông còn nợ của ông V trước đó chưa trả). Theo thỏa thuận, mỗi tháng ông trả cho ông V số tiền lãi là 8.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 10/9/2021 ông hoàn trả toàn bộ tiền nợ

gốc cho ông V. Tuy nhiên, đến hạn ông không có tiền trả, nên hai bên thỏa thuận gia hạn nợ; Ngày 30/10/2023 ông và ông V thỏa thuận lại số tiền còn nợ là 320.000.000 đồng và 216.000.000 đồng là tiền lãi của 27 tháng trước đó chưa trả. Hàng tháng ông trả cho ông V số tiền lãi là 8.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 30/4/2024 sẽ trả toàn bộ khoản nợ trên cho ông V, bà C. Đến hạn ôngkhông có khả năng trả nợ, ngày 02/5/2024 ông có thỏa thuận với ông V, bà C về tổng số tiền còn nợ của ông V, bà C là 536.000.000 đồng và thỏa thuận trả góp hàng tháng số tiền nợ gốc trên mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong khoản nợ nêu trên. Khi xác nhận lại, hai bên không thỏa thuận lãi.

Nay ông đồng ý trả cho ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C số tiền còn nợ là 506.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà ông V, bà C yêu cầu ông không đồng ý, do trước đây ông có trả lãi cho ông V đầy đủ, khi thỏa thuận lại số tiền nợ ngày 02/5/2024, hai bên không có thỏa thuận lãi.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Bích T1 trình bày:

Bà là con ruột của ông Phạm Trung V và bà Võ Thị C, việc ông V, bà C cho bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T vay tiền thì bà có biết. Tuy nhiên, số tiền vay cụ thể là bao nhiêu và thỏa thuận như thế nào thì bà không biết. Quá trình thực hiện bà Phạm Thị Kim O có nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của bà, nhờ bà chuyển tiền lại cho ông V, bà C, bà đều đưa đầy đủ lại cho ông V, bà C theo như số tiền mà bà O đã chuyển cho bà.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc nội dung vụ án: Qua lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trình bày tại phiên toà, cụ thể: Buộc bà Phạm Thị Kim O và ông Hồ Ngọc T phải trả cho ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C số tiền vay còn nợ là 506.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/5/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2025) là 04 tháng 07 ngày với số tiền là 17.850.554 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án, hình thức và nội dung đơn phù hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản với bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T. Người bị kiện là bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T có địa chỉ cư trú ở xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Đ). Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam thụ lý và Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả tiền: Nguyên đơn là ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C yêu cầu bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T phải trả cho ông V, bà C số tiền vay còn nợ là 506.000.000 đồng. Bị đơn là bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T cũng thừa nhận có vay và hiện còn nợ ông V, bà C số tiền 506.000.000 đồng. Do vậy, việc Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T phải trả nợ cho ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi đối với yêu cầu tính lãi, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu các bị đơn là bà Phạm Thị Kim O và ông Hồ Ngọc T trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/5/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2025) là 04 tháng 07 ngày với số tiền là 17.850.554 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).*

Theo trình bày của bị đơn là bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T trong quá trình chuẩn bị xét xử, các bị đơn không đồng ý yêu cầu tính lãi của nguyên đơn vì cho rằng khi xác nhận lại nợ các bên không có thỏa thuận lãi. HĐXX nhận thấy: Các bên đều thừa nhận khi thỏa thuận xác nhận lại tổng số tiền vay còn nợ vào ngày 02/5/2024, giữa các bên không có thỏa thuận về lãi, bị đơn không thống nhất với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó thỏa thuận vay tiền giữa các bên là vay không có lãi, các bên đương sự có tranh chấp về lãi. Theo các đương sự xác nhận, khi xác nhận số tiền còn nợ ngày 02/5/2024 có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 12 tháng, trả theo từng kỳ hàng tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng. Các bên xác nhận bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T có trả cho ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C số tiền của 01 kỳ là 20.000.000 đồng, đến kỳ trả nợ thứ hai bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T chỉ trả cho ông V, bà C số tiền 10.000.000 đồng. Vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận. Do đó, bị đơn chỉ có nghĩa vụ trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả (theo kỳ như thoả thuận) theo mức lãi suất 10%/năm tính ngày 03/5/2025 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc. Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn là bà Phạm Thị Kim O và ông Hồ Ngọc T trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh trên toàn bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm

tính từ ngày 03/5/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2025); đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các quy định khác của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nói trên, căn cứ quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Mặc dù, ông Hồ Ngọc T trên 60 tuổi – là người cao tuổi - thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; tuy nhiên, ông T không có đơn yêu cầu miễn án phí nên Toà án không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C.

1.1. Buộc bà Phạm Thị Kim O và ông Hồ Ngọc T phải liên đới trách nhiệm trả cho ông Phạm Trung V và bà Võ Thị C số tiền còn nợ là 506.000.000 đồng (Năm trăm lẻ sáu triệu đồng) - theo giấy "Giấy mượn nợ" đề ngày 02/5/2024 có chữ ký, ghi họ tên "Phạm Thị kim Oanh", "Hồ Ngọc T".

1.2. Buộc bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T phải trả cho ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/5/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2025) là 04 tháng 07 ngày với số tiền là 17.850.554 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).*

2. Về lãi suất do chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Phạm Trung V, bà Võ Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Kim O, ông Hồ Ngọc T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 24.954.022 đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi tư nghìn không trăm hai mươi hai đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/9/2025). Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản ám theo quy định của pháp luật.

5. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 1x, tỉnh Đ;*
- *THADS tỉnh Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc H